

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thái Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Chi – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Xuân Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 408/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị U, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

2. Bị đơn: Lê Hoàng N, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, có được 02 con chung. Trong thời gian sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bị đơn không lo làm ăn, không quan tâm gì đến đời sống gia đình. Bản thân thương các con nên cố nhẫn nhịn chịu đựng và ra sức khuyên ngăn nhưng đến nay bị đơn vẫn không thay đổi. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Quá trình sống chung nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là cháu Lê Thành P, giới tính nam, sinh ngày 25/6/2011 và cháu Lê Hoàng Tâm Nh, giới tính nữ, sinh ngày 04/3/2014, hiện do nguyên đơn nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn nguyên đơn đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Hoàng N đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật của tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự. Đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Lê Hoàng N. Về con chung giao cho chị U tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không xem xét vấn đề cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung do chưa có yêu cầu. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Nguyễn Thị U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Hoàng N nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Q, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị U và anh Lê Hoàng N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 12/8/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị U và anh N là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị U trình bày là do anh N không lo làm ăn, không quan tâm đến đời sống gia đình dẫn đến vợ chồng không còn sống chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn đến Tòa án để trình bày ý kiến và cũng đã thông báo về kết quả công khai các chứng cứ do nguyên đơn nộp tại Tòa nhưng bị đơn vẫn không có mặt và không có văn bản thể hiện sự phản đối với lời trình bày của nguyên đơn. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự để xác định việc trình bày của nguyên đơn là có căn cứ. Qua đó cũng có thể thấy, bị đơn đã biết về việc Tòa án giải quyết ly hôn nhưng lại không thể hiện ý chí muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân cho nên có cơ sở để cho rằng quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về con chung*: nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung chưa thành niên là cháu Lê Thành P và cháu Lê Hoàng Tâm Nh. Xét thấy, hai cháu hiện đang có cuộc sống ổn định với chị Nguyễn Thị U, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thể hiện ý chí, nguyện vọng muốn được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, cháu Lê Thành P và cháu Lê Hoàng Tâm Nh trình bày ý kiến trước Tòa là đều có mong muốn được sống chung với mẹ. Do vậy, việc giao cháu Lê Thành P và cháu Lê Hoàng Tâm Nh cho nguyên đơn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp nhất nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của hai cháu. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[6] *Về cấp dưỡng*: Do chưa có yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 272, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Lê Hoàng N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thành P, giới tính nam, sinh ngày 25/6/2011 và cháu Lê Hoàng Tâm Nh, giới tính nữ, sinh ngày 04/3/2014 cho chị Nguyễn Thị U tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Hoàng N chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu.

Anh Lê Hoàng N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007591 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PH, chị Nguyễn Thị U không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên

tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H PH;
- Chi cục THADS H PH;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hà Thái Thơ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**HỘI THẨM NHÂN DÂN****CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ****Phan Công Điện Nguyễn Thành Quyền****Hà Thái Thơ****HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM****HỘI THẨM NHÂN DÂN****CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ****Nguyễn Văn Chiến****Nguyễn Văn Dương****Hà Thái Thơ**